

GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG KHU VỰC NÔNG THÔN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ THANH THỦY
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt: Bài viết nêu lên thực trạng lực lượng lao động (LĐ) khu vực nông thôn (NT) Việt Nam hiện nay thông qua việc phân tích thực trạng về cơ cấu, trình độ học vấn, chuyên môn kĩ thuật, tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của LĐ khu vực này, từ đó đưa ra khuyến nghị cho các nhà quản lí và hoạch định chiến lược giáo dục cơ sở để có giải pháp nâng cao chất lượng LĐ (CLLĐ) khu vực NT đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Từ khóa: Chất lượng lao động; đào tạo; khu vực nông thôn.

(Nhận bài ngày 11/5/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 10/6/2016; Duyệt đăng ngày 24/6/2016)

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là nước có nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp, lực lượng LĐ chiếm hơn một nửa. Để thực hiện mục tiêu về kinh tế, định hướng đặt ra là: "Xây dựng NT mới: Quy hoạch phát triển NT gắn với phát triển đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường. Triển khai chương trình xây dựng NT mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn; giữ gìn và phát huy những nét văn hóa đặc sắc của NT Việt Nam. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng NT. Tạo môi trường thuận lợi để khai thác mọi khả năng đầu tư vào nông nghiệp và NT, nhất là đầu tư của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút nhiều LĐ. Triển khai có hiệu quả chương trình đào tạo (ĐT) nghề cho 1 triệu LĐ NT mỗi năm. Hỗ trợ học nghề và tạo việc làm cho các đối tượng chính sách, người nghèo, LĐ NT".

Vấn đề ĐT nâng cao CLLĐ ở khu vực NT là vấn đề cấp thiết trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở Việt Nam hiện nay. Việc tìm hiểu thực trạng lực lượng LĐ khu vực NT ở Việt Nam nhằm giúp cho các nhà quản lí và hoạch định chiến lược giải pháp nâng cao CLLĐ khu vực NT. Đây là nhiệm vụ quan trọng để hoàn thành mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020.

2. Thực trạng lao động nông thôn hiện nay

2.1. Một số khái niệm cơ bản

LĐ là yếu tố sản xuất do con người tạo ra dưới dạng dịch vụ hoặc hàng hóa nhằm tạo ra các loại sản phẩm vật chất và tinh thần có ích cho xã hội.

LĐNT là bộ phận của nguồn LĐ ở NT bao gồm những người trong độ tuổi LĐ, có khả năng LĐ, đang có việc làm và những người thất nghiệp nhưng có nhu cầu tìm việc làm.

Cơ cấu LĐ là cấu trúc các thành phần trong lực lượng LĐ, được chia thành cơ cấu LĐ theo trình độ, ngành nghề, vùng miền, giới tính và nhóm tuổi. Cơ cấu LĐ là mức độ đáp ứng về khả năng làm việc của người LĐ với yêu cầu công việc của tổ chức, đảm bảo cho tổ chức thực hiện thắng lợi mục tiêu cũng như thỏa mãn cao nhất nhu cầu của người LĐ.

2.2. Cơ cấu lao động nông thôn

Về lực lượng LĐ, theo Tổng cục Thống kê, tính đến 2014, cả nước có 53,7 triệu người từ 15 tuổi trở lên thuộc

lực lượng LĐ, chiếm 59,2% tổng dân số. Trong đó, lực lượng LĐ khu vực NT chiếm 69,3%. Về số lượng và cơ cấu LĐ NT: Số lượng LĐ trong khu vực NT năm 2014 khoảng 37,222 triệu người, năm 2011 khoảng 36,375 triệu người. Như vậy, số lượng LĐ khu vực NT tăng khoảng 847 nghìn người trong giai đoạn 2011-2014 [1]. Tỉ lệ số người trong độ tuổi LĐ có khả năng LĐ thực tế có việc làm trong năm 2011 là: LĐ nông - lâm - thủy sản chiếm 59,6%, giảm so với năm 2006 (70,4%) và năm 2001 (79,6%); trong đó ngành nông nghiệp chiếm 55,2% (năm 2006 là 65,5% và năm 2001 là 75,9%). Tỉ trọng LĐ công nghiệp, xây dựng ở các năm 2011, 2006, 2001 lần lượt là 18,4%; 12,5% và 7,4%. Tỉ lệ lao động dịch vụ là 20,5%, 15,9% và 11,9% ở 3 năm tương ứng [2].

Theo báo cáo điều tra LĐ việc làm năm 2014, giai đoạn 2011-2014, cơ cấu lực lượng LĐ khu vực NT có xu hướng giảm nhẹ nhưng cơ cấu LĐ có việc làm lại giảm mạnh. Nguyên nhân là do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, NT diễn ra nhanh, CLLĐ không đủ trình độ đáp ứng chuyên môn kĩ thuật dẫn đến tình trạng thất nghiệp của thanh niên khu vực này tăng lên khá nhanh. Tỉ lệ này năm 2011 khoảng 3,98% và năm 2014 khoảng 4,63% (Xem Bảng 1) [3].

Bảng 1: Tỉ trọng LĐ NT Việt Nam giai đoạn 2011-2014
Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Cơ cấu lực lượng LĐ	70,3	69,7	69,9	69,3
Cơ cấu LĐ có việc làm	70,7	70	70,3	30,4

(Nguồn: Báo cáo điều tra LĐ việc làm 2014)

Cơ cấu LĐ khu vực NT có sự chuyển dịch đáng kể nhưng không đồng đều giữa các vùng, địa phương thể hiện qua Bảng 2.

Kết quả đạt được trong chuyển dịch cơ cấu LĐ NT theo ngành ở các vùng trong năm 2011 tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn chậm. Trong 10 năm từ 2001 - 2011, tỉ trọng LĐ nông - lâm - thủy sản giảm 20%, bình quân mỗi năm giảm 2%. Trong giai đoạn 2006 - 2011, tỉ lệ LĐ NT giảm được 10,9%, bình quân mỗi năm giảm 2,19%. Các vùng có chuyển dịch cơ cấu LĐ thấp là Tây Nguyên, Trung du miền núi phía Bắc và Đồng bằng sông Cửu Long.



Bảng 2: Chuyển dịch cơ cấu LĐ nông thôn qua ba lĩnh vực chia theo vùng kinh tế - xã hội qua 3 kì tổng điều tra các năm 2001, 2006 và 2011

Đơn vị tính: %

	Nông - Lâm - Thủy sản			Công nghiệp và xây dựng			Dịch vụ		
	2001	2006	2011	2001	2006	2011	2001	2006	2011
Cả nước	79,61	70,41	59,59	7,36	12,46	18,40	11,51	15,95	20,52
Đồng bằng sông Hồng	77,26	60,48	42,63	10,50	20,36	31,26	11,67	18,31	25,18
Trung du miền núi phía Bắc	91,15	86,50	79,74	2,27	4,33	8,48	6,33	8,81	11,47
Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung	80,28	71,95	62,64	6,93	11,16	15,52	11,36	15,73	20,47
Tây Nguyên	91,94	88,38	85,28	1,55	2,52	3,04	6,22	8,84	11,42
Đông Nam Bộ	58,46	49,06	36,07	16,06	23,37	31,45	20,02	24,43	28,5
Đồng bằng sông Cửu Long	79,23	71,81	62,17	7,83	9,74	14,33	12,64	16,89	21,33

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2012)

Tuy kết quả chuyển dịch cơ cấu LĐ NT diễn ra chậm so với yêu cầu và chưa đồng đều giữa các vùng nhưng xu hướng đa dạng ngành nghề của LĐ NT ngày càng tăng.

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu LĐ nông - lâm - thủy sản theo hướng tích cực ở nước ta qua 3 thời kì được thể hiện trong Bảng 3:

Bảng 3: Số lượng và cơ cấu LĐ nông - lâm - thủy sản qua 3 thời kì 2001, 2006 và 2011

	2001	2006	2011
1. LĐ nông - lâm - thủy sản (Nghìn người)	24.530,1	22.928,9	20.558,3
Nông nghiệp	23.318,8	21.263,9	18.959,9
Lâm nghiệp	73,6	98,1	150,1
Thủy sản	1.137,7	1.566,9	1.448,3
2. Cơ cấu LĐ nông - lâm - thủy sản (%)	100,00	100,00	100,00
Nông nghiệp	95,06	92,74	92,22
Lâm nghiệp	0,30	0,43	0,73
Thủy sản	4,64	6,83	7,05

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2012)

Năm 2011, cả nước có 18,96 triệu LĐ nông nghiệp, giảm 2,3 triệu người so với năm 2006, bình quân mỗi năm giảm 474 nghìn LĐ. Tỷ lệ LĐ nông nghiệp so với tổng số LĐ nông - lâm - thủy sản vẫn chiếm 92,22%, giảm không đáng kể so với năm 2006 [4]. Số LĐ lâm nghiệp năm 2011 cả nước là 150,1 nghìn người, tăng 52 nghìn người so với năm 2006, bình quân hàng năm tăng gần 10%. LĐ lâm nghiệp tăng ở 4/6 vùng. LĐ thủy sản cả nước năm 2011 là 1,45 triệu người, giảm gần 119 nghìn người. Như vậy, đến thời kì 2006 - 2011, LĐ thủy sản có xu hướng giảm và giảm ở 4/6 vùng, trong đó giảm nhiều ở 3 vùng sản xuất thủy sản tập trung (Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung và Đông Nam Bộ).

2.3. Trình độ học vấn phổ thông của lao động nông thôn

Trình độ học vấn thường được sắp xếp theo 5 nhóm, gồm: Không biết chữ; chưa tốt nghiệp tiểu học (TH); tốt nghiệp TH; tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) và tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) trở lên.

Trình độ học vấn của nhân lực NT thấp hơn so với nhân lực thành thị. Cấp học càng cao thì sự chênh lệch càng lớn. Xét về cơ hội, ở NT, cơ hội học tập của thanh niên hạn chế hơn so với thành thị như điều kiện kinh tế, trường lớp, môi trường xã hội. Do trình độ dân trí, mức sống và trình độ phát triển kinh tế cao hơn nên đa số thanh niên thành thị học hết phổ thông tiếp tục học cao lên và tìm được việc làm ổn định. Đối với thanh niên NT, do bế tắc trong việc tìm kiếm việc làm phi nông nghiệp nên xét đến cùng cũng chỉ làm nông nghiệp.

Bảng 4: Trình độ học vấn của nhân khẩu từ 15 tuổi trở lên đang thường xuyên tham gia vào các hoạt động kinh tế

Trình độ học vấn NT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Không biết chữ	5,43	4,35	3,87
Chưa tốt nghiệp TH	19,6	18,11	14,13
Tốt nghiệp TH	31,72	31,99	32,6
Tốt nghiệp THCS	34,01	34,15	29,9
Tốt nghiệp THPT	9,24	11,4	19,5

(Nguồn: Số liệu thống kê LĐ - Việc làm ở Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các năm 2010, 2011 và 2012)

2.4. Trình độ lao động có chuyên môn kĩ thuật ở nông thôn

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tỉ lệ LĐ từ 15 tuổi trở lên đã qua ĐT ở NT có xu hướng tăng. Năm 2014, tỉ lệ này ở khu vực NT là 11,2%, chỉ bằng 1/3 so với khu vực thành thị. Ngoài ra, tỉ lệ LĐ trong độ tuổi LĐ đã qua ĐT ở khu vực NT năm 2014 chỉ khoảng 12%. Trong năm 2010, 89,9% LĐ NT không có chuyên môn kĩ thuật. Tỷ lệ này phản ánh đúng đặc điểm sản xuất hiện tại của NT. Đó là sản xuất nông nghiệp quy mô nhỏ và chủ yếu là LĐ thủ công. Tuy nhiên, với trình độ chuyên môn, nghề nghiệp như vậy, thanh niên NT khó nâng cao khả năng tự tạo việc làm phi nông nghiệp [5].

Các ngành, các cấp cần có các giải pháp hữu hiệu để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ĐT hiện nay. Đồng thời cần có giải pháp kết nối cung - cầu giữa các cơ sở giáo dục - ĐT và người sử dụng LĐ nhằm đáp ứng nhu cầu về số lượng, chất lượng của thị trường LĐ.

2.5. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lực lượng lao động nông thôn

Do trình độ học vấn và trình độ ĐT của LĐ NT có xu hướng tăng nên tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm của LĐ khu vực này có chuyển biến rõ rệt:

Bảng 5: Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lực lượng LĐ NT

Năm	Tỷ lệ thất nghiệp			Tỷ lệ thiếu việc làm		
	Chung	Thành thị	NT	Chung	Thành thị	NT
2014	2,10	3,40	1,49	2,35	1,20	2,90
2013	2,18	3,59	1,54	2,75	1,48	3,31
2012	1,96	3,21	1,39	2,74	1,56	3,27
2011	2,22	3,60	1,60	2,96	1,58	3,56
2010	2,88	4,29	2,30	3,57	1,82	4,26

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Qua Bảng 5, tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lực lượng LĐ khu vực NT có xu hướng giảm. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực này (1,49%) thấp hơn nhiều so với tỉ lệ chung trên cả nước (2,1%). Tuy nhiên, tỉ lệ thiếu việc làm còn khá cao (2,9%). Điều này cho thấy số lượng việc làm ở khu vực NT chưa đủ để đáp ứng với lực lượng LĐ.

3. Giải pháp đào tạo nâng cao chất lượng lực lượng lao động khu vực nông thôn

Để nâng cao CLLĐ NT, Nhà nước cần đưa ra các giải pháp ĐT cụ thể để nâng cao kiến thức thực tế và kĩ năng nghề nghiệp như sau:

Một là, nâng cao nhận thức cho nguồn LĐ ở khu vực NT về sự cần thiết nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn kĩ thuật. Đảng, Nhà nước và các tổ chức đoàn thể cần tập trung tuyên truyền, giáo dục để LĐ NT nhận thức được trình độ học vấn thấp, không có khoa học, kĩ thuật là nguyên nhân chủ yếu nhất dẫn đến đói nghèo, khó kiếm việc làm.

Hai là, tích cực tổ chức các lớp ĐT ngắn hạn cho người LĐ NT nhằm trau dồi kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp, chuyên môn kĩ thuật. Cần có chính sách ưu tiên cho đối tượng LĐ nghèo như miễn, giảm học phí, có chính sách, chế độ đặc thù, tạo cơ hội để họ có việc làm sau khi đã hoàn thành khóa ĐT. Yêu cầu đặt ra là giáo dục hướng nghiệp, ĐT nghề gắn với chiến lược và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, chú trọng xây dựng các đề án, loại hình ĐT đa dạng,...

Ba là, tổ chức những khóa ĐT bài bản, chuyên sâu về các ngành nghề truyền thống của địa phương kết hợp

với sử dụng các tiến bộ của khoa học, công nghệ để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất,... Các nhà lãnh đạo, nhà QL, các doanh nghiệp, các địa phương, cơ sở cần mở những khóa ĐT nghề khác nhau để LĐ NT chuyển đổi nghề theo hướng công nghiệp, dịch vụ đáp ứng được nguồn cung cho các cơ sở sản xuất, dịch vụ tại địa phương,...

Bốn là, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho các cơ sở ĐT tại địa phương, như có chính sách ưu tiên tuyển dụng nghề nhân lành nghề tham gia vào công tác ĐT nghề của cơ sở ĐT nghề hay hỗ trợ xây dựng trường lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giảng dạy, giáo trình, khu thực hành nghề,... để người học sau ĐT có đủ trình độ để đáp ứng công việc thực tế.

4. Kết luận

Kết quả phân tích nêu lên được hạn chế, khó khăn hiện nay của CLLĐ khu vực NT. Từ đó, đề xuất 4 giải pháp cho các nhà quản lí và hoạch định chiến lược giáo dục cơ sở để nâng cao CLLĐ khu vực NT đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội: Nâng cao nhận thức cho nguồn LĐ ở khu vực NT về sự cần thiết phải nâng cao trình độ học vấn, trình độ chuyên môn kĩ thuật; tích cực tổ chức các lớp ĐT ngắn hạn cho người LĐ NT nhằm trau dồi kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp, chuyên môn kĩ thuật; tổ chức những khóa ĐT bài bản, chuyên sâu về các ngành nghề truyền thống của địa phương kết hợp với sử dụng các tiến bộ của khoa học, công nghệ để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất; Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho các cơ sở ĐT tại địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Số liệu thống kê Lao động - Việc làm ở Việt Nam*, các năm 2010, 2011 và 2012.
- [2]. Tổng cục Thống kê, (2012), *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2011*, NXB Thống kê, Hà Nội,
- [3]. Báo cáo *Điều tra lao động việc làm năm 2014*.
- [4]. Tổng cục Thống kê, (2011), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*, NXB Thống kê, Hà Nội.
- [5]. Trần Thị Thái Hà, (2014), *Giáo dục của các hộ gia đình khu vực nông thôn trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế - xã hội* (sản phẩm của đề tài nghiên cứu khoa học do Quỹ NAFOSTED tài trợ), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
- [6]. Nguyễn Minh Đường - Phan Văn Kha, (2006), *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

SOLUTIONS TO IMPROVE LABOUR QUALITY IN RURAL AREAS TO MEET REQUIREMENTS OF SOCIAL-ECONOMIC DEVELOPMENT

Nguyen Thi Thanh Thuy
The Vietnam Institute of Educational Sciences

Abstract: This article raises status of the workforce in Vietnamese rural areas today through analysis of current labour's structure, education level, technical qualifications and unemployed rate in these areas. Then, recommendations were given for managers and policy makers in basic education strategy so as to find out solutions to improve labour quality in these areas to meet the requirements of social-economic development.

Keywords: Labour quality; training; rural areas.